CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

Ngày 30/09/2024	19,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.1%	**-**	**-3.1%**

DT thuần
Q3/24
763
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.0| 5.8%
YoY: ▼60.0| -7.3%

LN thuần
Q3/24
41.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.00| 17.1%
YoY: ▲ 9.70| 30.8%

LN sau thuế
Q3/24
33.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.40| 24.0%
YoY: ▲ 8.10| 32.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
5.6%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM)
Q3/24
8.5%
YoY: +/-▲ 0.5%

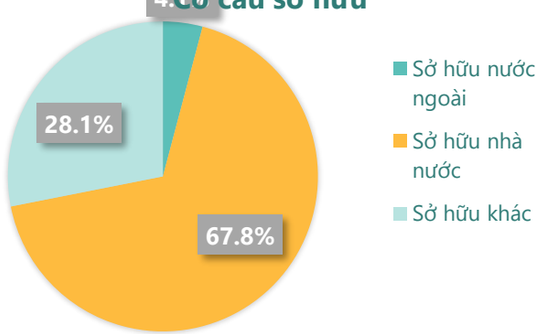
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,145 - 27,071
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,537
Số lượng CPLH (CP)	80,895,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,695
Sở hữu nước ngoài	4.1%
Beta	0.70
EPS	1,331
P/E	14.3

DT thuần
9T 2024
2,321
tỷ VNĐ
YoY: ▼207| -8.2%

LN thuần
9T 2024
112
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00| 2.3%

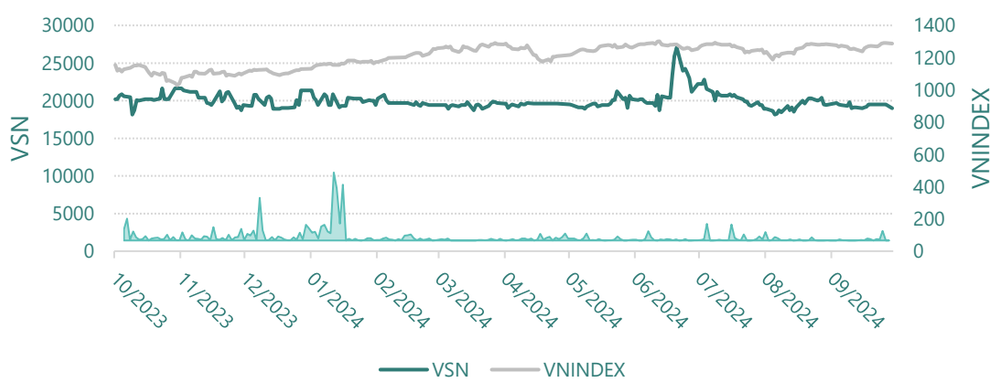
LN sau thuế
9T 2024
88.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.90| 1.0%

Cơ cấu sở hữu

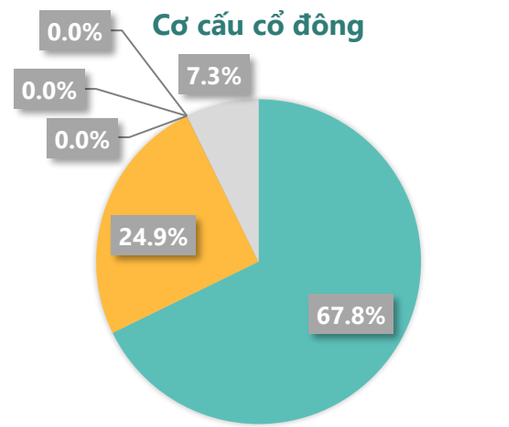


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

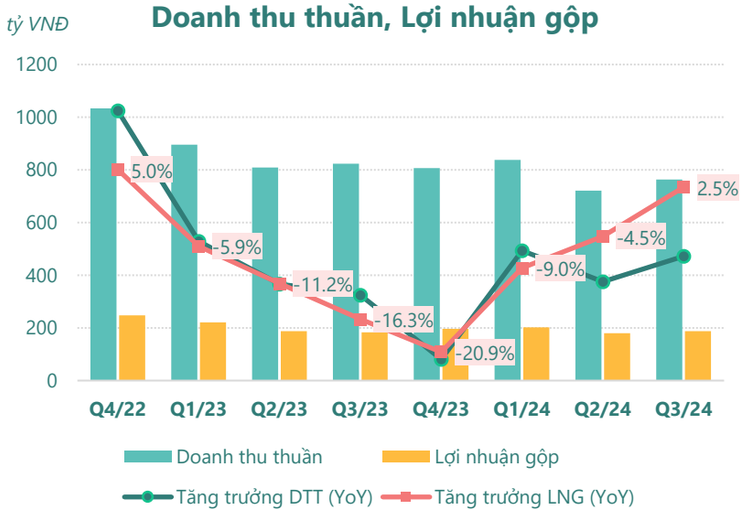


- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV
- CTCP Masan MeatLife
- CTCP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản
- Nguyễn Ngọc An (Tổng giám đốc)
- Trương Hải Hưng (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

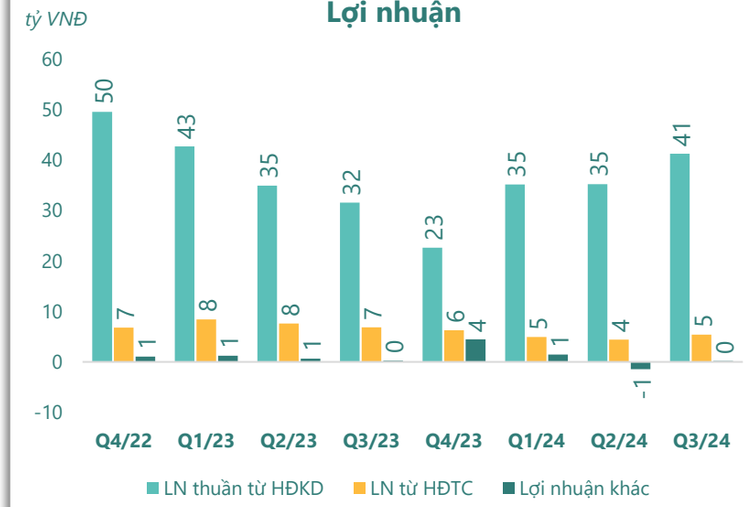
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



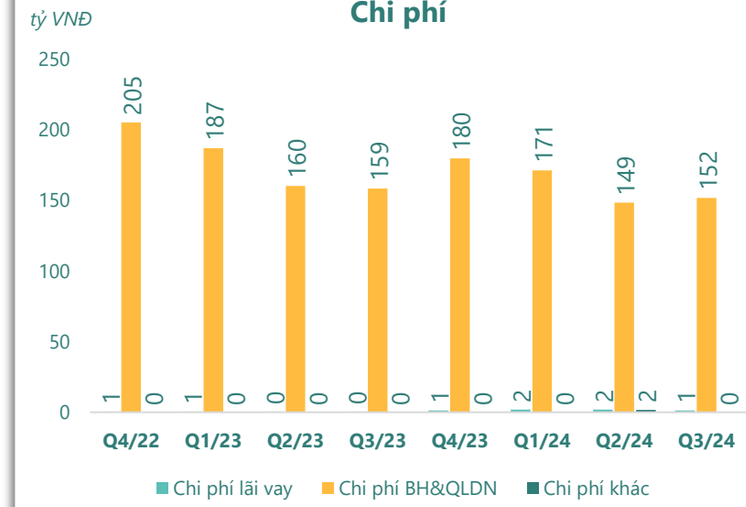
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



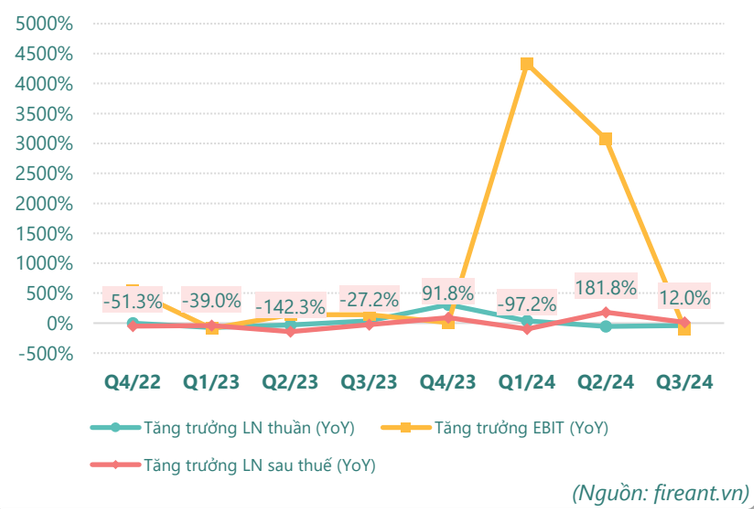
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



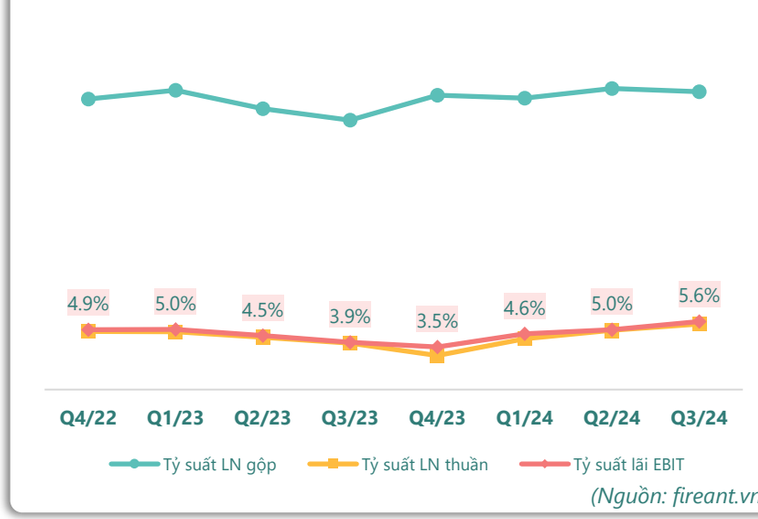
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



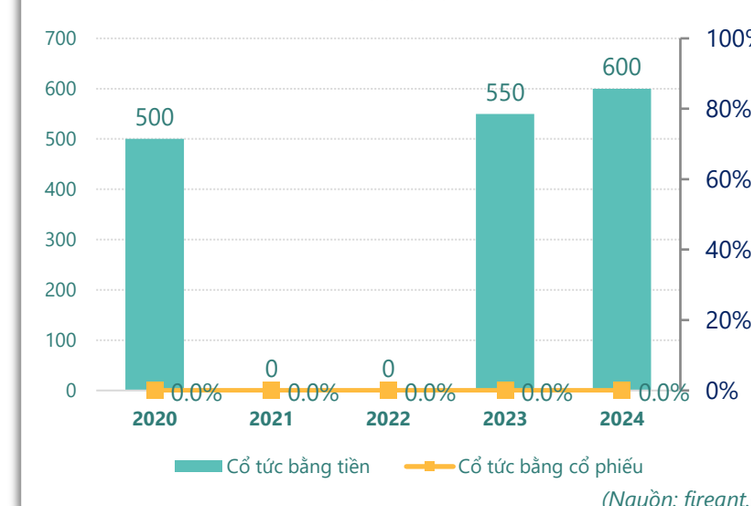
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

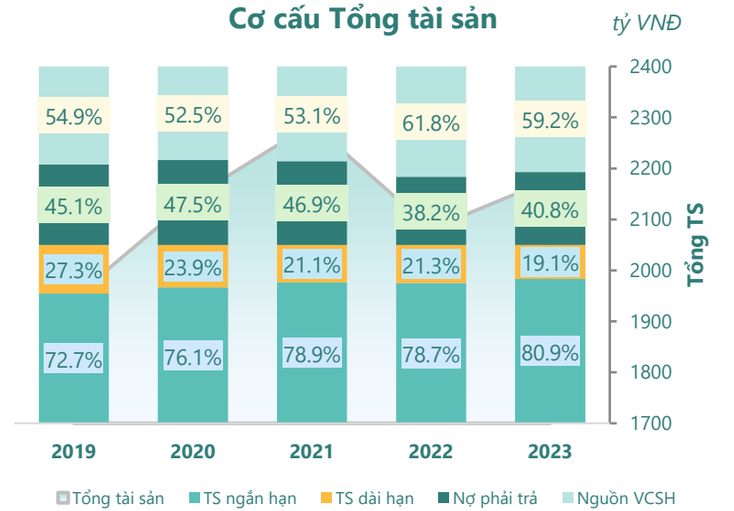
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

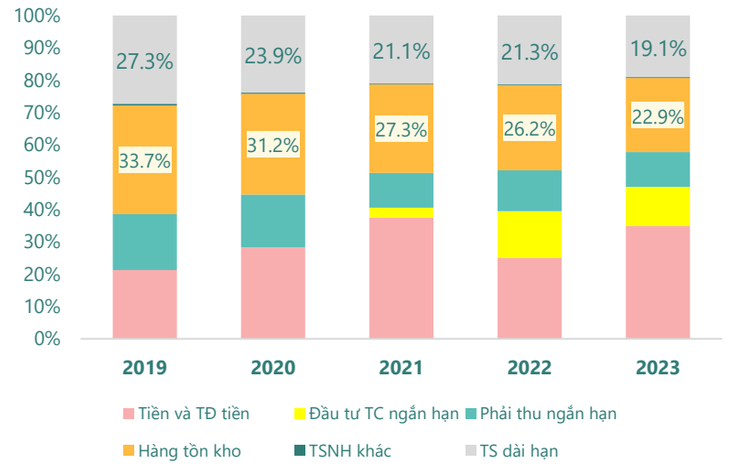
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



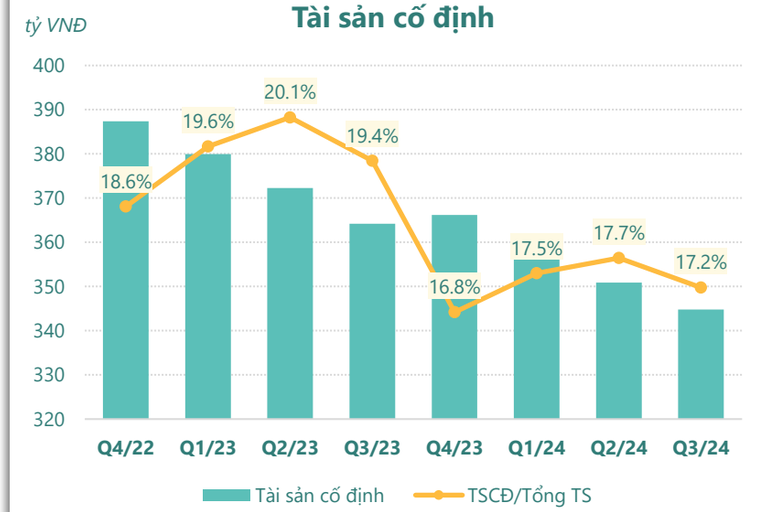
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



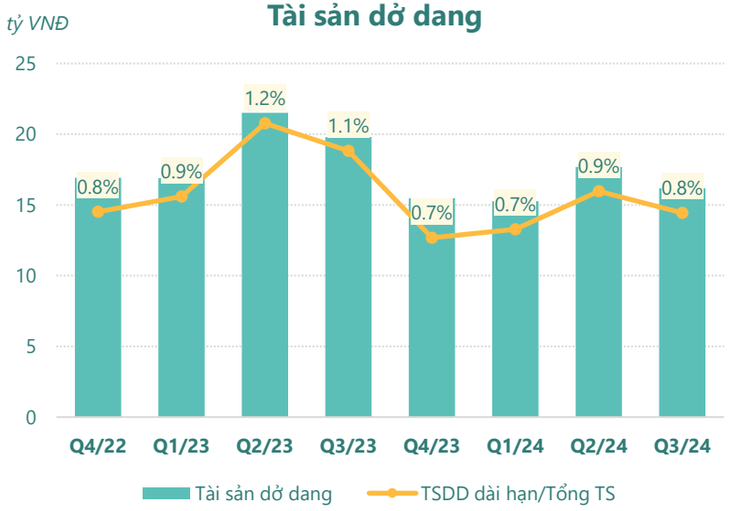
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



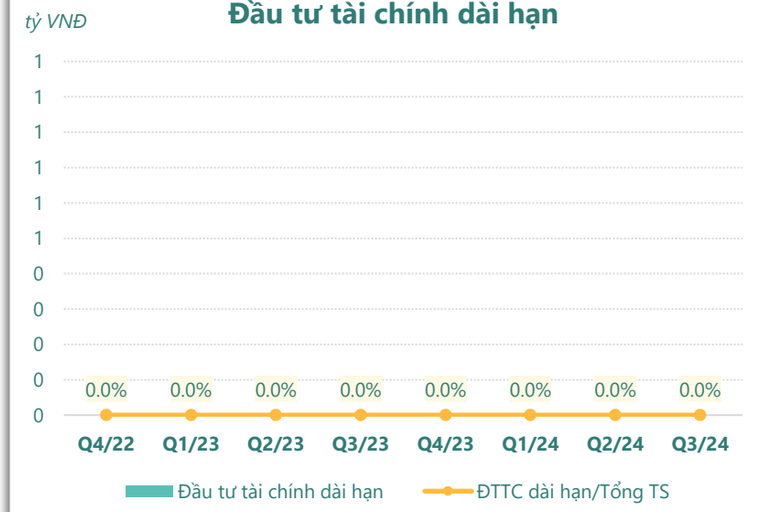
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



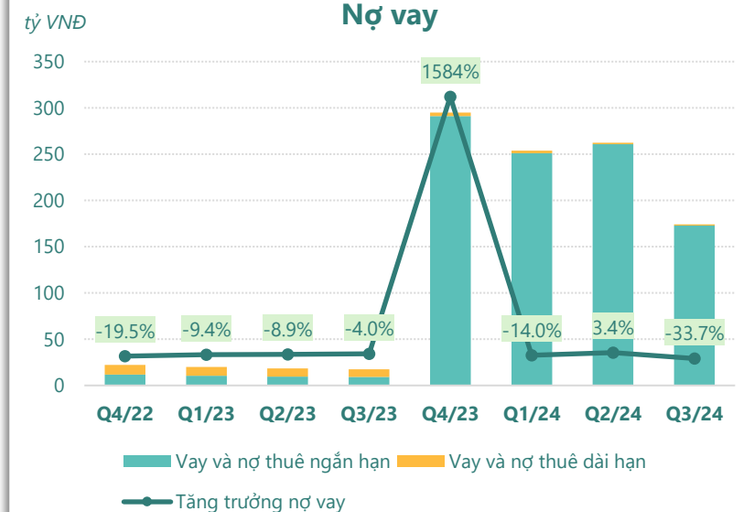
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

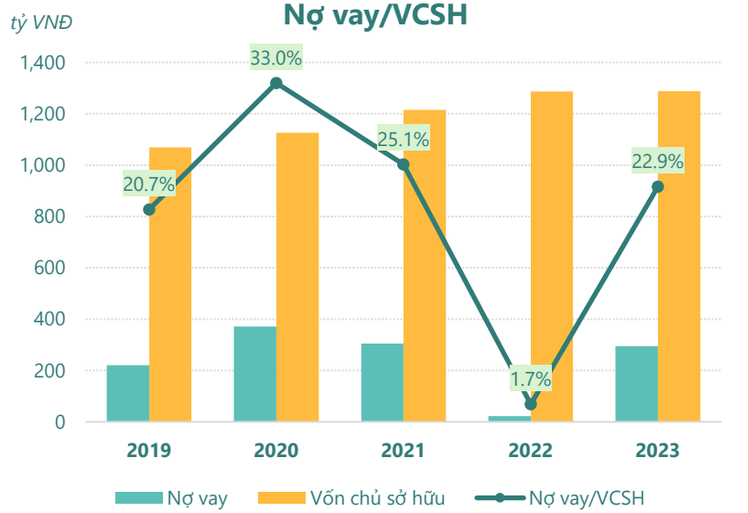
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

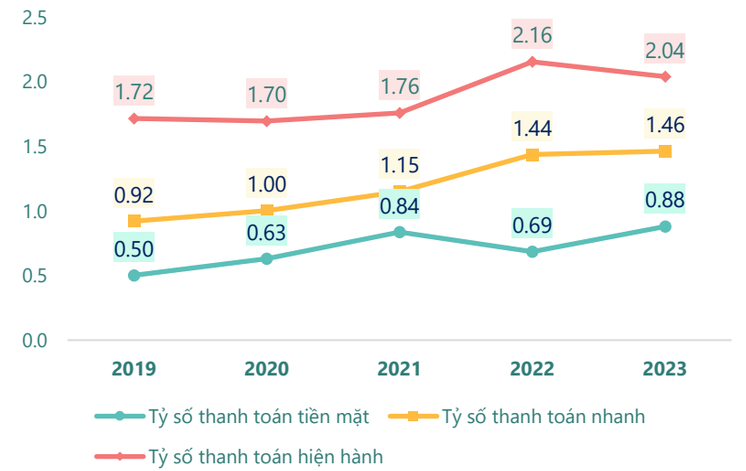
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



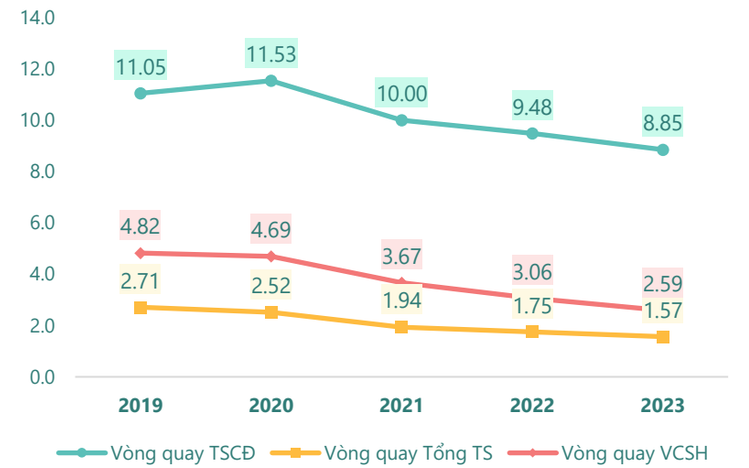
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



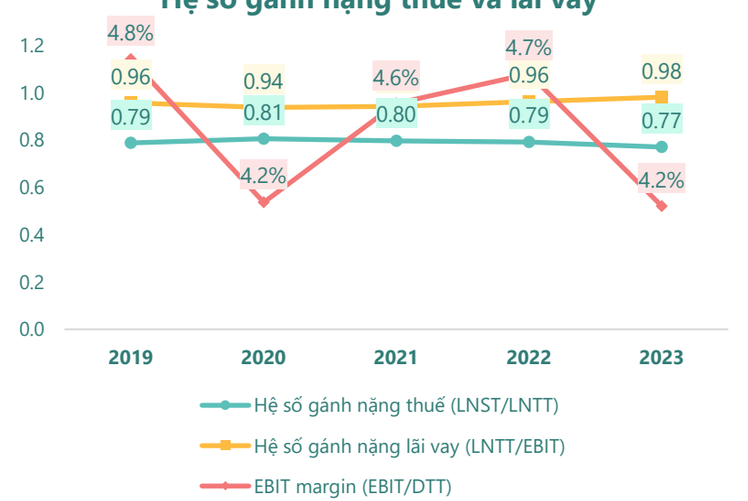
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



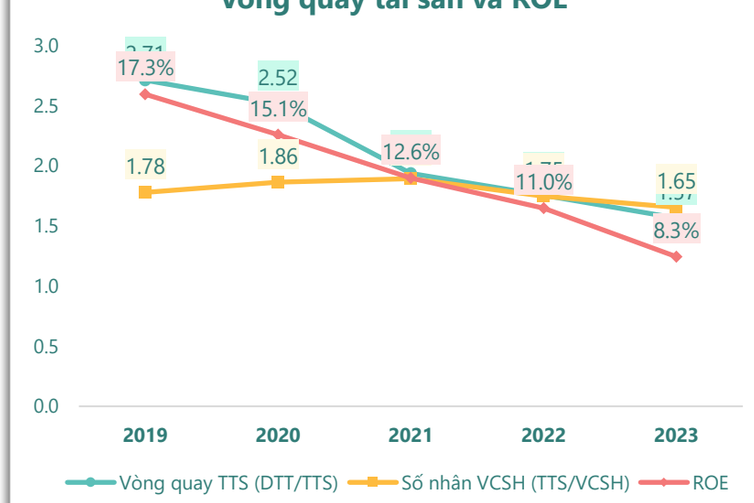
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



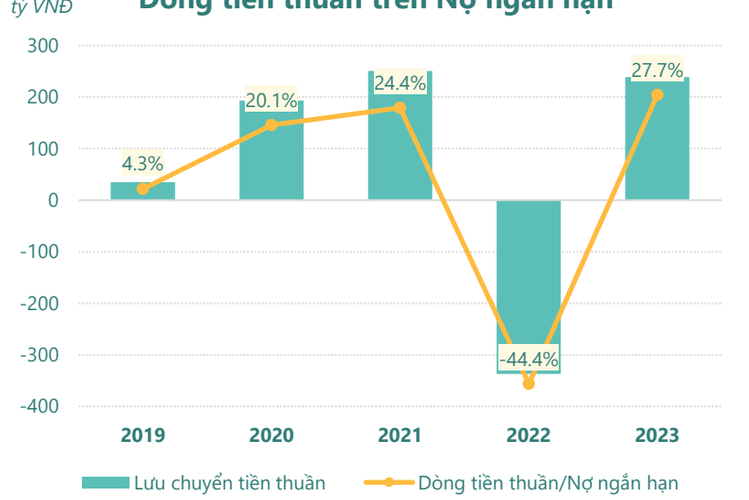
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**763**	**823**	**-7.3%**	**2,321**	**2,528**	**-8.2%**
Giá vốn hàng bán	575	640	-10.2%	1,752	1,935	-9.4%
Lợi nhuận gộp	188	183	2.7%	569	593	-4.0%
Doanh thu HĐTC	9.52	10.3	-7.6%	28.2	33.6	-16.1%
Chi phí TC	4.14	3.40	21.7%	13.5	10.7	25.9%
Chi phí lãi vay	1.39	0.41	239%	5.23	1.38	278%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	117	125	-6.0%	365	394	-7.3%
Chi phí QLDN	**34.5**	**33.7**	**2.3%**	**107**	**112**	**-4.8%**
LN thuần từ HĐKD	41.3	31.6	30.8%	112	109	2.3%
Lợi nhuận khác	**0.19**	**0.22**	**-13.2%**	**0.22**	**2.09**	**-89.3%**
LN trước thuế	41.5	31.8	30.6%	112	111	0.6%
Lợi nhuận sau thuế	**33.1**	**25.0**	**32.4%**	**88.7**	**87.8**	**1.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**33.1**	**25.0**	**32.4%**	**88.7**	**87.8**	**1.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-76.7	86.5	4.85	19.7	-28.0	130
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	47.4	21.0	30.7	-189	-5.91	455
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.79	-0.73	233	-41.4	8.73	-88.4
Tiền đầu kỳ	415	384	491	760	549	524
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.1**	**107**	**269**	**-210**	**-25.2**	**497**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0.05	-0.06	0.04	0.02	-0.22
Tiền cuối kỳ	384	491	760	549	524	1,021

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,001**	**2,178**	**-8.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,612	1,762	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	1,021	760	34.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.0	264	-88.6%
Phải thu ngắn hạn	225	233	-3.3%
Hàng tồn kho	327	499	-34.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.90	6.08	46.3%
Tài sản dài hạn	**388**	**416**	**-6.6%**
Phải thu dài hạn	5.29	0.87	507%
Tài sản cố định	345	366	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.2	15.5	4.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**22.1**	**33.4**	**-33.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	729	889	-18.0%
Nợ ngắn hạn	**707**	**863**	**-18.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	173	291	-40.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	215	280	-23.3%
Nợ dài hạn	21.6	26.3	-17.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.16	3.92	-70.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,272**	**1,289**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,272**	**1,289**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	809	809	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)